

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HC-ST

Ngày: 22 - 9 - 2021

V/v “*Kiến Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Thế Hòa.
2. Bà Bùi Thị Kim Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ban - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 07/2021/TLST-HC ngày 14/01/2021, về việc “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HC ngày 01/7/2021, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T; trú tại: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk; trụ sở: Trung tâm hành chính huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện pháp luật của người bị kiện: Ông Võ Tấn H1, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện C; Vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Phú H2, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện C (Văn bản ủy quyền ngày 21/01/2021); Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Đức H3, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Văn D, chức vụ: Chủ tịch UBND xã E, huyện C; Vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền: Ông Đặng Xuân T1, chức vụ: Cán bộ địa chính UBND xã E, huyện C (Văn bản ủy quyền ngày 05/4/2021); Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị K (Vợ ông T); Vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền của bà K: Ông Nguyễn Văn T; cùng trú tại: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 28/01/2021); Có mặt.

3. Ông Y T2 Byă, bà H'G Bdap; Vắng mặt.

4. Chị H'S Bdap, sinh năm 1997; Vắng mặt.

5. Chị H'L Bdap, sinh năm 2001; Vắng mặt.

6. Cháu H'R Bdap, sinh ngày 16/4/2013; Vắng mặt.

Cùng trú tại: Buôn K1, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

7. Ông Nguyễn Thành Q, bà Phạm Hồng T3.

Người đại diện ủy quyền của bà T3: Ông Nguyễn Thành Q; cùng trú tại: Thôn H4, xã H5, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 21/01/2021); Có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Ông Hồ Viết H (Có mặt), bà Nguyễn Thị T4 (Vắng mặt).

Người đại diện ủy quyền của bà T3: Ông Hồ Viết H; cùng trú tại: trú tại: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 28/01/2021); Có mặt.

9. Ông Y L1 Byă; trú tại: Buôn N, xã X, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 06/02/2013, ông Nguyễn Thành Q, bà Phạm Hồng T3 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ ông Y T2 Byă gồm vợ chồng ông Y Thanh Byă, bà H'G Bdap và các con là chị H'S Bdap, chị H'D Bdap đối với các thửa đất số 5620, 5607, 5523, 5521; tờ bản đồ số 22; tổng diện tích 10.960m² đất nông nghiệp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt là GCNQSDĐ) số R 608635 do Ủy ban nhân dân huyện M (Nay là huyện C) cấp ngày 22/3/2002 cho hộ ông Y T2 Byă, đất tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Khi mua có lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trên đất có trồng cây cà phê.

Ngày 18/4/2013, ông Q, bà T3 được UBND huyện C cấp đổi và tách thành 04 GCNQSDĐ số BH 412977, BH 412978, BH 412979, BH 412980, tương ứng lần lượt với các thửa đất số 5620, 5607, 5523, 5521; tờ bản đồ số 22; tổng diện tích 10.960m², tọa lạc tại xã E, huyện C.

Ngày 19/3/2015, ông Q, bà T3 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn T 04 thửa đất nói trên với giá 150.000.000 đồng, hai bên có lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trên đất có trồng cây cà phê. Ông T đã giao đủ tiền và ông Q, bà T3 đã giao đất, chỉ vị trí, mốc giới đất cho ông T quản lý, sử dụng từ đó đến nay, ổn định không có tranh chấp.

Tuy nhiên, năm 2015, khi ông Q, bà T3 làm thủ tục sang tên diện tích đất nói trên cho ông T thì không thực hiện được, sau đó ông T vẫn tiếp tục sử dụng ổn định diện tích đất nói trên. Đến năm 2019, ông T mới được biết UBND huyện C đã cấp sai số thửa đất trong GCNQSDĐ của ông Q, bà T3 và hộ ông Y T2. Theo GCNQSDĐ cũ số R 608635 của hộ ông Y T2 Byă và 04 GCNQSDĐ cấp đổi của ông Q, bà T3 thì các thửa đất được cấp có số 5620, 5607, 5523, 5521, tờ bản đồ số 22; nhưng vị trí đất ông Q, bà T3 mua của hộ ông Y T2 thực tế lại có các số thửa là 5616, 5617, 5620 và một phần của thửa số 5615, tờ bản đồ số 22.

Theo ông T, việc UBND huyện cấp sai số thửa là do khi ông Q, bà T3 mua đất của hộ ông Y T2 Byă, thì vị trí đất ông Q, bà T3 nhận chuyển nhượng của ông Y T2 là các thửa số 5616, 5617, 5620, một phần của thửa số 5615, tờ bản đồ số 22, cụ thể: Thửa số 5620, tờ bản đồ số 22 nằm trong GCNQSDĐ số R 608635 do UBND huyện M cấp ngày 22/3/2002 cho hộ ông Y T2 Byă; thửa số 5616, 5617, tờ bản đồ số 22 nằm trong 02 GCNQSDĐ số K 23906 và K 23907 do UBND huyện M cấp ngày 16/6/1997 cho hộ ông Y T2 Byă; thửa số 5615, tờ bản đồ số 22 nằm trong diện tích đất đã được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ số B 947268 ngày 14/7/1993 cho ông Y L1 Byă, đối với thửa đất số 5608, 5609, 5610, 5611, 5615, tờ bản đồ số 22. Nhưng vợ chồng ông Y T2 Byă, bà H'G Bdap lại đưa GCNQSDĐ số R 608635 của thửa số 5620, 5607, 5523, 5521; tờ bản đồ số 22 cho ông Q, bà T3 và cho rằng đây là vị trí đất ông Q, bà T3 đã mua để đi làm thủ tục sang tên cấp lại GCNQSDĐ mới.

Mặt khác, vào thời điểm ông Q, bà T3 nhận chuyển nhượng đất của hộ ông Y T2 năm 2013, các thửa đất số 5523, 5521, tờ bản đồ số 22 đã bị thu hồi để làm dự án đập nước I, xã E và thời điểm đó đập nước I đã xây xong, nhưng UBND huyện C vẫn chưa thu hồi GCNQSDĐ số R 608635 đối với thửa số 5620, 5607, 5523, 5521; tờ bản đồ số 22 của hộ ông Y T2 mà vẫn cấp đổi lại thành 04 GCNQSDĐ số BH 412977, BH 412978, BH 412979, BH 412980 cho ông Q, bà T3. Còn 02 GCNQSDĐ số K 23906 và K 23907 đối với thửa số 5616, 5617, tờ bản đồ số 22 của hộ ông Y T2 đáng lẽ được sử dụng để cấp lại GCNQSDĐ cho ông Q, bà T3 nhưng hiện nay vẫn do hộ ông Y T2 quản lý, sử dụng.

Đối với việc trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông T xác định các thửa đất ông đang sử dụng có số thửa gồm 5616, 5617, 5620, một phần

của thửa số 5615 và 5619, tờ bản đồ số 22. Nhưng nay ông T xác định lại các thửa đất ông sử dụng chỉ bao gồm thửa số 5616, 5617, 5620, một phần của thửa số 5615, tờ bản đồ số 22; không có thửa số 5619 vì phần đất tại thửa số 5619 không phải đất ông T nhận chuyển nhượng từ ông Q, bà T3 mà nhận chuyển nhượng từ bà H'K2 Ênuôl nhưng chỉ viết giấy tay, không được công chứng, chứng thực theo quy định, nên ngày 11/6/2021, ông T có đơn xin rút một phần khởi kiện, không yêu cầu giải quyết đối với thửa số 5619, tờ bản đồ số 22 tại xã E trong vụ án này.

Năm 2020, ông T làm đơn khiếu nại gửi UBND xã E và UBND huyện C nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết, chưa điều chỉnh số thửa cho đúng và chưa cấp GCNQSDĐ mới cho ông T. Hiện nay 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 412977, BH 412978, BH 412979, BH 412980 đứng tên ông Q, bà T3 nói trên đang do UBND huyện C giữ.

Do đó, ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 412977, BH 412978, BH 412979, BH 412980 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cùng ngày 18/4/2013 cho ông Nguyễn Thành Q, bà Phạm Hồng T3, tương ứng lần lượt với các thửa đất số 5620, 5607, 5523, 5521; tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 239906 và K 239907 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 16/6/1997 cho hộ ông Y T2 Byă, đối với các thửa đất số 5616, 5617; tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Đối với thửa đất số 5615, tờ bản đồ số 22 tại GCNQSDĐ số B 947268 đứng tên ông Y L1 Byă đang được ông Hồ Viết H khởi kiện tại TAND tỉnh Đắk Lắk cũng vì sai số thửa đất, nên ông T không khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ của ông Y L1 trong vụ án này mà để ông H khởi kiện.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:

Ngày 22/3/2002, hộ ông Y T2 Byă được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ số R 608635 đối với 04 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 22, xã E, gồm: Thửa đất số 5620, diện tích 4.140m² cà phê; thửa đất số 5607, diện tích 1.240m² cà phê; thửa đất số 5523, diện tích 3.440m² cà phê và thửa đất số 5521, diện tích 2.140m² đất ao.

Ngày 06/2/2013, hộ ông Y T2 Byă chuyển nhượng quyền sử dụng các thửa đất số 5620, 5607, 5523, 5521 nêu trên cho ông Nguyễn Thành Q và bà Phạm Hồng T3. Ngày 18/4/2013, ông Nguyễn Thành Q và bà Phạm Hồng T3 được UBND huyện C cấp đổi thành 04 GCNQSDĐ số BH 412977, BH 412978, BH

412979, BH 412980 tương ứng lần lượt với các thửa đất số 5620, 5607, 5523, 5521; tờ bản đồ số 22.

Ngày 19/3/2015, ông Q, bà T3 chuyển nhượng QSDĐ 04 thửa đất nêu trên cho ông Nguyễn Văn T theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất được công chứng tại Văn phòng công chứng huyện C.

Tuy nhiên, khi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (Viết tắt là CN VPĐKĐĐ huyện C) tiếp nhận hồ sơ và phát hiện có sự sai sót trong quá trình cấp GCNQSDĐ trước đây, nên ngày 07/6/2016, CN VPĐKĐĐ huyện C có Báo cáo số 31/BC-CNVPĐKĐĐ gửi UBND huyện và UBND huyện đã giao Thanh tra huyện thẩm tra, xác minh việc UBND huyện C cấp đổi GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Thành Q tại Công văn số 1384/UBND-NC ngày 15/6/2016.

Ngày 02/8/2016, Thanh tra huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, CN VPĐKĐĐ huyện C, UBND xã E và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan kiểm tra hiện trạng sử dụng đất và làm rõ các nội dung có liên quan. Theo đó, kết quả kiểm tra hồ sơ địa chính, kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân, như sau:

- Hộ ông Nguyễn Thành Q và bà Phạm Hồng T3 (hiện nay là ông Nguyễn Văn T) sử dụng một phần các thửa đất số 5615, 5619 và các thửa đất số 5616, 5617, 5620, tờ bản đồ số 22, xã E, nhưng hộ ông Q, bà T3 được UBND huyện C cấp đổi GCNQSDĐ đối với các thửa đất số 5607, 5620, 5521, 5523, tờ bản đồ số 22, xã E.

- Hộ ông Hồ Viết H sử dụng một phần diện tích của thửa đất số 5615, tờ bản đồ số 22 nhưng lại được UBND huyện C cấp đổi GCNQSDĐ số BN 040996 ngày 18/12/2014 đối với thửa đất số 5608, tờ bản đồ số 22, xã E (Nguồn gốc nhận chuyển nhượng QSDĐ từ hộ ông Y L1 Byă). Đối với thửa đất số 5615, tờ bản đồ số 22, xã E đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Y L1 Byă.

- Một phần diện tích còn lại của thửa đất số 5619, tờ bản đồ số 22, xã E do hộ ông Y M1 Ênuôl sử dụng (Ông Y M1 Ênuôl hiện đã chết).

- Thửa đất số 5521, 5523 hiện nay nằm trong đập I, xã E.

- Hộ ông Y T2 Byă sử dụng một phần thửa đất số 5608 và 5607 nhưng lại được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ số K 239906, K 239907 ngày 16/6/1997 đối với thửa đất số 5616, 5617 tờ bản đồ số 22 (Nguồn gốc nhận tặng cho quyền sử dụng đất từ bố vợ là ông Y L1 Byă).

Ngày 25/10/2016, Thanh tra huyện ban hành Báo cáo số 87/BC-TTr đề xuất một số nội dung liên quan đến việc UBND huyện C cấp đổi GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Thành Q, có nội dung: *“Kiến nghị UBND huyện giao UBND xã E chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành làm việc với các hộ*

gia đình, cá nhân có liên quan (hộ ông Nguyễn Thành Q, hộ ông Hồ Viết H, hộ ông Y T2 Byă, ông Y L1 Byă...) để giải thích về nội dung có sự sai sót đối với diện tích đất tại các Hợp đồng chuyển nhượng và thực tế hiện trạng sử dụng đất, qua đó hướng dẫn các hộ dân nếu phát sinh tranh chấp thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân trên cơ sở tiến hành các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật...”

Ngày 02/11/2016, UBND huyện C ban hành Công văn số 2495/UBND-TNMT có nội dung: Thống nhất theo đề nghị của Thanh tra huyện, giao UBND xã E triển khai thực hiện. Ngày 21/9/2020, UBND xã E đã làm việc với các hộ gia đình, cá nhân có liên quan hướng dẫn thực hiện việc khởi kiện đến Tòa án nhân dân để giải quyết theo thẩm quyền.

Trong quá trình quản lý và sử dụng đất, hộ ông Y T2 Byă, hộ ông Nguyễn Thành Q và hộ ông Hồ Viết H sử dụng ổn định, đúng mục đích, đúng hiện trạng sử dụng đất, không thực hiện việc hoán đổi vị trí, xung quanh có ranh giới đất rõ ràng, không có hành vi lấn chiếm, hủy hoại đất. Sau đó, các hộ thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đã được các cơ quan chức năng giải quyết theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án căn cứ các hồ sơ, tài liệu có liên quan để xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã E, huyện C trình bày:

UBND xã E thống nhất với trình bày của UBND huyện C như trên về diễn biến nội dung sự việc.

Ngày 28/5/2020, UBND xã E có Báo cáo số 87/BC-UBND về việc xử lý đơn khiếu nại của ông Hồ Viết H và đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn T. Theo đó, UBND xã E nhận định việc UBND huyện M cấp các GCNQSDĐ cho hộ ông Y T2 Byă, hộ ông Y L1 Byă đối với các thửa đất nêu trên là không đúng quy định của pháp luật, dẫn đến việc UBND huyện C cấp đổi lại GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Thành Q, bà Phạm Hồng T3 và ông Hồ Viết H, bà Nguyễn Thị T4 là không đúng với thực tế sử dụng đất; ông Y L1 Byă đã đi khỏi địa phương, không liên lạc được.

Hiện tại, hồ sơ cấp 03 GCNQSDĐ gồm: GCNQSDĐ số K 239906 và số K 239907 do UBND huyện M cấp ngày 16/6/1997 cho hộ ông Y T2 Byă, đối với thửa đất số 5616, 5617; tờ bản đồ số 22 và GCNQSDĐ số R 608635 do UBND huyện M cấp ngày 22/3/2002 cho hộ ông Y T2 Byă, đối với các thửa đất số 5620, 5607, 5523, 5521; tờ bản đồ số 22 không được lưu trữ tại UBND xã E, hiện chỉ có lưu trữ GCNQSDĐ bản phô tô (Không lưu trữ bản gốc) đối với thửa đất số 5617 và 5608, tờ bản đồ số 22, qua đó không đủ cơ sở để ý kiến về trình tự, thủ

tục cấp GCNQSDĐ số R 608635 cấp ngày 22/3/2002 và GCNQSDĐ số K 239906, K 239907 cấp ngày 16/6/1997.

Đối với thửa đất số 5615, tờ bản đồ số 22, tại sổ mục kê lưu tại xã thể hiện thuộc quyền sử dụng của ông Y L1 Byă, ngoài ra không tìm thấy thông tin tại sổ địa chính, sổ cấp GCNQSDĐ hay Quyết định cấp GCNQSDĐ lưu tại xã.

Xét thấy các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Q, bà T3 với hộ ông Y T2 Byă; giữa ông H, bà T4 với ông Y L1 đã được công chứng, chứng thực và đã được cơ quan chức năng giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, diện tích trong hồ sơ chuyển nhượng lại không đúng với thực tế sử dụng đất. Đây là giao dịch dân sự giữa các bên và nội dung cam kết, ký kết không đúng theo thực tế. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K có người đại diện ủy quyền là ông Nguyễn Văn T trình bày: Bà K thống nhất với trình bày của chồng là ông Nguyễn Văn T và đồng ý với nội dung khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y T2 Byă, bà H'G Bdap trình bày:

Năm 1976, bố mẹ của bà H'G Bdap là ông Y L1 Byă và bà H'D Bdap khai hoang được diện tích đất khoảng 04 ha tại buôn K1, xã E, huyện M (hiện nay là huyện C). Năm 1989, bố mẹ của bà H'G ly hôn, ông Y L1 Byă chuyển đến sinh sống tại Buôn N, xã X, huyện B từ đó đến nay. Khi ly hôn, ông Y L1 để lại toàn bộ đất đai và tài sản khai hoang, tạo lập được cho vợ là bà H'D Bdap, ông Y L1 không mang theo tài sản gì. Cùng năm 1989, bà H'G được mẹ là bà H'D cho 3.000m² và 10.000m² trong diện tích 4ha nói trên. Quá trình sử dụng đất từ đó đến nay không có tranh chấp với ai.

Ngày 06/02/2013, ông Y T2 Byă, bà H'G Bdap và các con là chị H'S Bdap, chị H'D Bdap chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thành Q, bà Phạm Hồng T3 QSD các thửa đất số 5620, 5607, 5523, 5521; tờ bản đồ số 22; tổng diện tích 10.960m² đất nông nghiệp theo GCNQSDĐ số R 608635 do UBND huyện M cấp ngày 22/3/2002 cho hộ ông Y T2 Byă. Hai bên có lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trên đất có trồng cây cà phê.

Khi chuyển nhượng ông Y T2 Byă, bà H'G Bdap có chỉ cho ông Q, bà T3 vị trí, ranh giới, mốc giới của thửa đất, nhưng hai bên không đo đạc lại mà chỉ căn cứ vào diện tích trong GCNQSDĐ, vợ chồng ông Y T2 đã nhận tiền mua đất đầy đủ từ ông Q, bà T3. Sau đó, vợ chồng ông Y T2 không biết khi nào ông Q, bà T3 được cấp lại GCNQSDĐ, cũng không biết gì về việc ông Q, bà T3 chuyển nhượng lại diện tích đất nói trên cho ông Nguyễn Văn T. Ông Y T2, bà H'G có thấy chính quyền địa phương xuống nhà ông bà làm việc và chính quyền có nói

cho ông bà biết việc UBND huyện đã cấp sai số thửa đất và vị trí thửa đất trong các GCNQSDĐ của người dân trong khu vực xã E nhưng ông bà không biết rõ nội dung cấp sai như thế nào.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu hủy 02 GCNQSDĐ số K 239906 và K 239907 do UBND huyện M cấp ngày 16/6/1997, thửa đất số 5616, 5617, tờ bản đồ số 22 cho hộ ông Y T2 Byă và 04 GCNQSDĐ số BH 412977, BH 412978, BH 412979, BH 412980 tương ứng lần lượt với các thửa đất số 5620, 5607, 5523, 5521, tờ bản đồ số 22 đứng tên ông Q, bà T3 thì ông Y T2, bà H'G không đồng ý, vì ông bà muốn UBND huyện C phải đo đạc lại toàn bộ diện tích đất của ông bà đang sử dụng và diện tích đất ông bà đã chuyển nhượng cho ông Q, bà T3 tại buôn K1, xã E.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y L1 Byă trình bày:

Năm 1976, vợ chồng ông Y L1 Byă và bà H'D Bdap khai hoang được diện tích đất khoảng 04 ha (không nhớ diện tích chính xác) tại buôn K1, xã E, huyện M. Năm 1989, ông Y L1 ly hôn vợ và chuyển đến sinh sống tại Buôn N, xã X, huyện B từ đó đến nay. Sau khi ly hôn, ông Y L1 để lại toàn bộ đất đai và tài sản khai hoang, tạo lập được cho vợ là bà H'D Bdap, ông không mang theo tài sản gì, toàn bộ giấy tờ đất đai ông đều để lại cho bà H'D giữ nên ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án và không nhớ gì về thông tin GCNQSDĐ đứng tên ông Y L1 đối với đất tại buôn K1, xã E.

Ông có biết việc hiện nay ông Nguyễn Văn T và ông Hồ Viết H đang sử dụng 01 phần diện tích của thửa 5615, tờ bản đồ số 22 theo GCNQSDĐ đứng tên ông, nhưng ông Y L1 Byă không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với các thửa đất này, vì ông đã để lại toàn bộ đất đai cho bà H'D. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Q, bà Phạm Hồng T3 trình bày:

Quá trình vợ chồng ông Q, bà T3 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ ông Y T2 Byă đối với các thửa đất số 5620, 5607, 5523, 5521; tờ bản đồ số 22 và được UBND huyện cấp đổi thành 04 GCNQSDĐ, và việc ông Q, bà T3 chuyển nhượng lại 04 thửa đất nói trên cho ông Nguyễn Văn T đúng như ông T đã trình bày ở trên.

Khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông Y T2 Byă và bà H'G Bdap có chỉ mốc, ranh giới đất và đã bàn giao đất cho ông Q. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông Q, bà T3 canh tác, sử dụng ổn định trên đất, không có tranh chấp. Khi chuyển nhượng lại QSDĐ cho ông T, ông Q có chỉ mốc, ranh giới và đã bàn giao đất cùng toàn bộ tài sản trên đất cho ông T quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, khi làm thủ

tục đăng ký biến động QSDĐ sang tên cho ông T thì CN VPĐKĐĐ huyện C trả lời chưa thực hiện được việc sang tên do UBND huyện C đã cấp sai số thửa đất trên giấy tờ, còn thực tế ông Q, bà T3 vẫn sử dụng đất đúng vị trí đã nhận chuyển nhượng từ hộ ông Y T2, không có tranh chấp với ai. Ông được biết trong khu vực xã E có rất nhiều hộ bị cấp sai số thửa đất và vị trí như đất của ông, nội dung cấp sai như thế nào thì ông Q, bà T3 không biết rõ.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu hủy 04 GCNQSDĐ số BH 412977, BH 412978, BH 412979, BH 412980 do UBND huyện C cấp cùng ngày 18/4/2013 đứng tên ông Q, bà T3, thửa đất số 5620, 5607, 5523, 5521, tờ bản đồ số 22, thì ông bà đồng ý vì 04 thửa đất này ông bà đã chuyển nhượng cho ông T nên ông T có toàn quyền quyết định, ông bà không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án cho ông bà được giải quyết và xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Viết H, bà Nguyễn Thị T4 trình bày:

Ngày 06/5/2013, ông H, bà T4 nhận chuyển nhượng của hộ ông Y L1 Byă, bà H T5 Ayun diện tích đất 10.150m², thửa đất số 5608, 5610, tờ bản đồ số 22, Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ đã được UBND xã E chứng thực theo quy định. Ngày 18/12/2014, ông H, bà T4 được UBND huyện C cấp đổi thành GCNQSDĐ số BN 040996 đối với thửa đất số 5608, tờ bản đồ số 22, diện tích 5.500m² và GCNQSDĐ số BN 040997 đối với thửa số 5610, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.650m².

Tuy nhiên, thực tế hiện nay ông H, bà T4 chỉ quản lý thửa đất số 5610 và một phần thửa đất số 5615, tờ bản đồ số 22. Theo ông H được biết, thửa đất số 5615, tờ bản đồ số 22 đã được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ cho ông Y L1 Byă, còn thửa số 5608 UBND huyện M đã cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Y T2 Byă. Hiện nay hộ ông Y T2 Byă đã chuyển nhượng thửa đất số 5615 nói trên cho ông Nguyễn Thành Q, bà Phạm Hồng T3, sau đó ông Q, bà T3 tiếp tục chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T nhưng ông T cũng không được cấp GCNQSDĐ vì UBND huyện C (trước đây là UBND huyện M) cấp đất không đúng vị trí, kích thước và không đúng đối tượng sử dụng đất.

Ông H, bà T4 đề nghị Tòa án buộc UBND huyện C phải có trách nhiệm khắc phục sai sót của mình trong các trường hợp cấp sai GCNQSDĐ nêu trên theo quy định pháp luật.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính - Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

+ Hủy 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 412977, BH 412978, BH 412979, BH 412980 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cùng ngày 18/4/2013 cho ông Nguyễn Thành Q, bà Phạm Hồng T3, tương ứng lần lượt với các thửa đất số 5620, 5607, 5523, 5521; tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

+ Hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 239906 và K 239907 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 16/6/1997 cho hộ ông Y T2 Byă, tương ứng lần lượt đối với các thửa đất số 5616, 5617; tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

[2]. Về tố tụng:

[2.1]. Tại phiên tòa, người bị kiện UBND huyện C vắng mặt không có lý do lần thứ hai; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã E và ông Nguyễn Thành Q, bà Phạm Hồng T3 có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y L1 Byă đã được Tòa án tổng đạt các văn bản hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y T2 Byă, bà H’G Bdap, chị H’S Bdap, chị H’L Bdap, cháu H’R Bdap đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và không đến Tòa án để làm việc, nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai đầy đủ, không đối chất và công khai chứng cứ, đối thoại được. Do đó HĐXX xét xử vụ án theo quy định tại Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[2.2]. Về thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 19/3/2015, ông Nguyễn Thành Q, bà Phạm Hồng T3 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T 04 thửa đất số 5620, 5607, 5523, 5521; tờ bản đồ số 22. Ngày 25/3/2015, ông Q, bà T3 nộp thủ tục đăng ký biến động đất đai để chuyển nhượng, sang tên 04 thửa đất trên cho ông T. Ngày 14/4/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C (Nay là CN VPĐKĐĐ huyện C) tiến hành làm

việc với ông Q, ông T, ông Y T2, ông H để thông báo cho các bên liên quan biết việc cấp 04 GCNQSDĐ số BH 412977, BH 412978, BH 412979, BH 412980 cho ông Q, bà T3 là không đúng quy định pháp luật, đồng thời thống nhất giao cho Thanh tra huyện thẩm tra, xác minh trường hợp cấp 04 GCNQSDĐ nói trên và xác định việc xử lý hồ sơ chuyển nhượng QSDĐ ngày 19/3/2015 giữa ông Q, bà T3 với ông T chỉ được tiếp tục giải quyết khi có báo cáo kết luận của Cơ quan Thanh tra huyện. Tuy nhiên, từ đó đến nay, dù ông T đã nhiều lần làm đơn khiếu nại nhưng UBND huyện C chưa có kết quả giải quyết vụ việc của ông T. Do đó, đến ngày 12/01/2021 ông T mới khởi kiện đến TAND tỉnh Đắk Lắk là còn thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 4 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Về nguồn gốc đất: Quá trình giải quyết vụ án, UBND huyện C và UBND xã E cho rằng không lưu giữ hồ sơ cấp 03 GCNQSDĐ gồm: GCNQSDĐ số K 239906 và số K 239907 do UBND huyện M cấp ngày 16/6/1997 cho hộ ông Y T2 Byă, đối với thửa đất số 5616, 5617, tờ bản đồ số 22 và GCNQSDĐ số R 608635 do UBND huyện M cấp ngày 22/3/2002 cho hộ ông Y T2 Byă, đối với các thửa đất số 5620, 5607, 5523, 5521, tờ bản đồ số 22 và tại sổ mục kê lưu tại xã thể hiện thửa đất số 5615, tờ bản đồ số 22, thuộc quyền sử dụng của ông Y L1 Byă, ngoài ra không tìm thấy thông tin tại sổ địa chính, sổ cấp GCNQSDĐ hay Quyết định cấp GCNQSDĐ lưu tại UBND xã và UBND huyện. UBND huyện cho rằng các tài liệu này do Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện C lưu giữ nhưng UBND huyện chưa cung cấp cho Tòa án. Do đó, Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết, thì thấy: Nguồn gốc đất ban đầu là vào khoảng năm 1975 – 1976, ông Y L1 Byă khai hoang khoảng 4ha đất tại buôn K1, xã E, huyện M (Nay là huyện C) nhưng không có căn cứ xác định vị trí đất ông Y L1 khai hoang gồm những thửa đất nào và diện tích khai hoang là bao nhiêu. Tại GCNQSDĐ số B 947268 do UBND huyện M cấp ngày 14/7/1993 cho ông Y L1 Byă, thì ông Y L1 được cấp QSDĐ đối với thửa đất số 5608, 5609, 5610, 5611, 5615, tờ bản đồ số 22 (Hiện nay GCNQSDĐ này đã bị thu hồi và không có thông tin gì về việc thu hồi hay cấp đổi). Nhưng theo Báo cáo số 90/BC-PTNMT ngày 18/11/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C về GCNQSDĐ cấp không đúng quy định pháp luật tại khu vực đập I, xã E, có nội dung xác định ông Y L1 khai hoang các thửa đất số 5607, 5608, 5609, 5610, tờ bản đồ số 22, trong đó: Thửa 5609 ông Y L1 đã chuyển nhượng cho ông Đặng Văn T6 vào năm 1997; thửa 5610 ông Y L1 chuyển nhượng cho ông Mai Minh H6 (Năm 2014 ông

H6 chuyển nhượng lại cho ông Hồ Viết H); còn lại thửa 5607, 5608 ông Y L1 tặng cho con gái là bà H'G Bdap năm 1997, nhưng đến ngày 16/6/1997, hộ ông Y T2 Byă (Là chồng bà H'G Bdap) lại được UBND huyện M cấp thửa đất số 5616, 5617, tờ bản đồ số 22 theo GCNQSDĐ số K 239906 và K 239907. Sau đó, hộ ông Y T2 vẫn sử dụng thửa 5616, 5617 ổn định không có tranh chấp ranh giới, mốc giới hay diện tích với ai. Đến năm 2013 thì chuyển nhượng vị trí thực tế của thửa 5616, 5617 cho ông Q, bà T3. Vì vậy, không có căn cứ xác định nguồn gốc đất của các thửa đất nói trên do toàn bộ hồ sơ cấp các GCNQSDĐ hiện UBND huyện và UBND xã không còn lưu giữ.

[3.2]. Xét trình tự, thủ tục cấp 04 GCNQSDĐ số BH 412977, BH 412978, BH 412979, BH 412980 do UBND huyện C cấp cùng ngày 18/4/2013 cho ông Nguyễn Thành Q, bà Phạm Hồng T3, tương ứng lần lượt với các thửa đất số 5620, 5607, 5523, 5521, tờ bản đồ số 22, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hộ ông Y T2 Byă được cấp 03 GCNQSDĐ gồm: 02 GCNQSDĐ số K 239906 và K 239907 đối với thửa đất số 5616, 5617; tờ bản đồ số 22 và GCNQSDĐ số R 608635 đối với các thửa 5620, 5607, 5523, 5521; tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Tại Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 06/02/2013 có nội dung ông Nguyễn Thành Q, bà Phạm Hồng T3 nhận chuyển nhượng của hộ ông Y T2 Byă 04 thửa đất số 5620, 5607, 5523, 5521; tờ bản đồ số 22 theo GCNQSDĐ số R 608635 nói trên. Đến ngày 18/4/2013, ông Q, bà T3 được UBND huyện C cấp đổi và tách thành 04 GCNQSDĐ số BH 412977, BH 412978, BH 412979, BH 412980, tương ứng lần lượt với các thửa đất số 5620, 5607, 5523, 5521; tờ bản đồ số 22 là đúng số thửa trong hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ mà các bên đã ký kết. Ông Y T2, bà H'G đã chỉ mốc, ranh giới đất và bàn giao đất cho ông Q, bà T3 sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Tuy nhiên, vị trí đất hộ ông Y T2 bàn giao cho ông Q, bà T3 không phải thửa đất số 5620, 5607, 5523, 5521, tờ bản đồ 22 mà là thửa đất số 5616, 5617, 5620 và một phần của thửa số 5615, tờ bản đồ số 22, vì vị trí đất ông Q, bà T3 mua của hộ ông Y T2 thực tế là thửa số 5616, 5617, 5620 và một phần của thửa số 5615, tờ bản đồ số 22. Như vậy, hộ ông Y T2, bà H'G đã có sự nhầm lẫn, đáng lẽ phải sử dụng 02 GCNQSDĐ số K 239906 và K 239907 đối với thửa đất số 5616, 5617 và tách thửa số 5620 từ GCNQSDĐ số R 608635 để lập Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ và làm thủ tục sang tên cho ông Q, bà T3, nhưng hộ ông Y T2 lại giao nhầm GCNQSDĐ số R 608635 của 04 thửa đất số 5620, 5607, 5523, 5521 cho ông Q, bà T3 để làm thủ tục sang tên và chỉ vị trí đất nhầm sang một phần của thửa đất số 5615 của ông Y L1 Byă.

Tại Biên bản làm việc ngày 11/5/2020 của UBND xã E, bà H'G xác định bố của bà là ông Y L1 Byă đã tặng cho bà diện tích đất gồm thửa số 5607, 5608, 5616, 5617, 5620, một phần thửa 5615, tờ bản đồ số 22, nhưng UBND huyện và UBND xã xác định tại sổ mục kê lưu tại xã thể hiện thửa đất số 5615, tờ bản đồ số 22 thuộc quyền sử dụng của ông Y L1 Byă, ngoài ra không tìm thấy thông tin tại sổ địa chính, sổ cấp GCNQSDĐ hay Quyết định cấp GCNQSDĐ lưu tại UBND xã và UBND huyện đối với thửa số 5615 nói trên, nên không có căn cứ xác định thửa số 5615 thuộc quyền sử dụng của hộ ông Y T2 nhưng ông Y T2 lại chuyển nhượng cho ông Q, bà T3 là không đúng quy định pháp luật.

Cũng tại biên bản làm việc ngày 11/5/2020 của UBND xã E, bà H'G xác định từ trước đến nay gia đình bà không hề sử dụng thửa đất số 5521, 5523, tờ bản đồ số 22. UBND huyện C và UBND xã E thừa nhận thửa đất số 5523, 5521, tờ bản đồ số 22 hiện nay nằm trong lòng đập Ea Bih, xã E và nằm cách xa vị trí đất các bên nhận chuyển nhượng cũng như vị trí đất ông Y L1 khai hoang. Đối với thửa đất số 5607, tờ bản đồ 22 ông Q, bà T3 không sử dụng và hiện đang do hộ ông Y T2 quản lý sử dụng từ năm 1990 đến nay nhưng lại được cấp đổi GCNQSDĐ cho ông Q, bà T3.

Như vậy, việc UBND huyện cấp thửa số 5620, 5607, 5523, 5521, tờ bản đồ số 22 theo GCNQSDĐ tương ứng số BH 412977, BH 412978, BH 412979, BH 412980 cho hộ ông Q, bà T3 là không đúng vị trí hiện trạng sử dụng đất và không đúng quy định pháp luật. Quá trình thực hiện việc cấp đổi và tách thửa cho ông Q, bà T3, UBND huyện C và UBND xã E không xuống thực địa kiểm tra hiện trạng sử dụng đất mà đã cấp đổi và tách thửa cho ông Q, bà T3 là vi phạm trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ theo quy định. Bên cạnh đó, hộ ông Y T2 và ông Q, bà T3 cũng có 01 phần lỗi khi đã giao nhận nhầm vị trí đất cho nhau. Do đó, cần hủy 04 GCNQSDĐ số BH 412977, BH 412978, BH 412979, BH 412980 tương ứng với thửa số 5620, 5607, 5523, 5521, tờ bản đồ số 22.

[3.3]. Xét trình tự, thủ tục cấp 02 GCNQSDĐ số K 239906 và K 239907 do UBND huyện M cấp ngày 16/6/1997 cho hộ ông Y T2 Byă, đối với các thửa đất số 5616, 5617; tờ bản đồ số 22, Hội đồng xét xử xét thấy:

Thực tế hộ ông Y T2 sau khi chuyển nhượng thửa 5616, 5617, tờ bản đồ số 22 cho ông Q, bà T3 thì không còn quản lý, sử dụng 02 thửa đất này, mà người sử dụng diện tích đất tại 02 thửa 5616, 5617 là ông Q, bà T3. Hiện nay ông T là người trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định 02 thửa đất nói trên, không có tranh chấp. Việc cấp 02 GCNQSDĐ số K 239906 và K 239907 có việc nhầm lẫn trong việc giao đất và cấp nhầm vị trí đất như đã phân tích ở trên, xét thấy cần hủy 02 GCNQSDĐ số K 239906 và K 239907 của hộ ông Y T2 Byă để UBND huyện C

làm các thủ tục điều chỉnh, cấp lại GCNQSDĐ cho ông T theo đúng hiện trạng sử dụng đất thì mới giải quyết triệt để được vụ án và đảm bảo quyền lợi của ông T.

Đối với ông Y T2, bà H'G có ý kiến không đồng ý với khởi kiện của ông T yêu cầu hủy 02 GCNQSDĐ số K 239906 và K 239907 đứng tên hộ Y T2 và 04 GCNQSDĐ đứng tên ông Q, bà T3 nói trên, nhưng ông Y T2, bà H'G không có đơn yêu cầu độc lập, quá trình tham gia tố tụng Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án nên yêu cầu của ông Y T2, bà H'G không có cơ sở để chấp nhận.

[3.4]. Đối với việc trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông T xác định các thửa đất ông đang sử dụng có số thửa gồm 5616, 5617, 5620, một phần của thửa số 5615 và 5619, tờ bản đồ số 22. Sau đó, ông T xác định lại các thửa đất ông sử dụng chỉ bao gồm thửa số 5616, 5617, 5620, một phần của thửa số 5615, tờ bản đồ số 22; không có thửa số 5619 vì phần đất tại thửa số 5619 không phải đất ông T nhận chuyển nhượng từ ông Q, bà T3 mà nhận chuyển nhượng từ bà H'K2 Ênuôl nhưng chỉ viết giấy tay, không được công chứng, chứng thực theo quy định, nên ngày 11/6/2021, ông T không yêu cầu giải quyết đối với thửa số 5619, tờ bản đồ số 22 tại xã E trong vụ án này, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. UBND huyện C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204 và Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 101 Luật đất đai 2003; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

[2.1]. Hủy 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 412977, BH 412978, BH 412979, BH 412980 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cùng ngày 18/4/2013 cho ông Nguyễn Thành Q, bà Phạm Hồng T3, tương ứng lần lượt với các thửa đất số 5620, 5607, 5523, 5521; tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[2.2]. Hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 239906 và K 239907 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 16/6/1997 cho hộ ông Y T2 Byă,

đối với các thửa đất số 5616, 5617; tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Văn T và hộ ông Y T2 Byă có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng hiện trạng sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện C phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019757 ngày 14/01/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đ1.

[4]. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án Hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đ1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Dân

